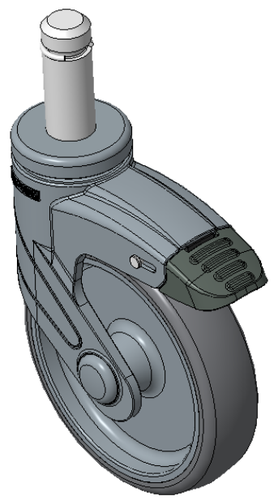
Bảng dữ liệu sản phẩm

# 1155 Series — BÁNH XE CÀNG NHỰA STAT

Bánh xe PPR Kiểu cổ điển (Trục trung xanh xám xám đậm) Đường kính bánh×Chiều rộng bánh 125×31mm

EAN

KS-11550502268313



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

Bánh xe dài loại phanh kép, hệ thống khóa, đinh tán ghim—Ø21.6x56L
Chân màu xanh xám làm bằng cốt thép polyamide, lắp đặt bằng chốt
Chống gỉ, chống ăn mòn, thẩm mỹ, tiết kiệm và xoay linh hoạt
Lõi bánh xe bằng polypropylene chịu va đập, bề mặt bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)
Màu xám đậm, ổ bi bánh xe—ổ bi cầu chính xác

Mặt lốp: Cao su đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)

Lõi bánh xe: Được làm từ polypropylene chất lượng cao, chịu va đập tốt.

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

## Quy cách chi tiết sản phẩm

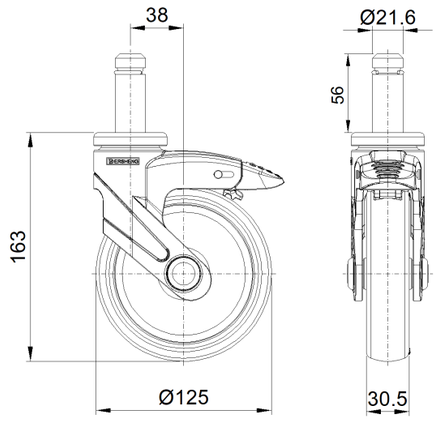
◉ đơn vị mét ○ đế quốc

| | |
|---|---|
| Đường kính bánh xe | 125mm |
| Chiều rộng bánh xe | 30.5mm |
| vòng bi bánh xe | Bánh xe đi kèm với ống giữa |
| đường kính cọc | 21.5mm |
| chiều dài cọc | 56mm |
| Độ lệch tâm | 38mm |
| Sự can thiệp quay | 226mm |
| Tổng chiều cao | 163mm |
| Bán kính xoay | 113mm |
| Độ cứng | 82±5° Shore A |
| Tải trọng (động) | 90kgs |
| Tải trọng (tĩnh) | 135kgs |
| Nhiệt độ | -20°C to +60°C |
| Càng bánh xe | Khóa đôi |
| Thép không gỉ | N/A |
| Dẫn điện | N/A |
| Chống tĩnh điện | N/A |
| Trọng lượng bánh xe đẩy | 0.87kgs |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm | ISO22883 |

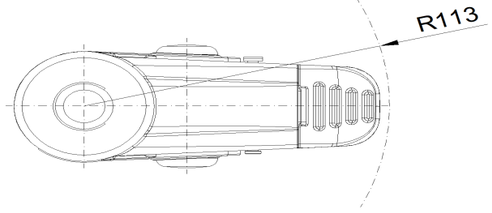
## Tổng quan ưu điểm

| | |
|---|---|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn | ● ● ● ● ● |

## Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy




## Bản vẽ 2D kích thước trục trơn




* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

© Bản quyền thuộc về 2026 DershengInternational www.dersheng.com